TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2022/DS-ST
Ngày 01/3/2022
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Đình Ca;

2. Ông Nguyễn Hồng Khanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 26/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ: Đường L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngân Xuân T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ;

Địa chỉ: Đường N, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021), có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Hà Văn H, sinh năm 1987 và bà Thi Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 04/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*

ông Ngân Xuân T trình bày:

Ngày 29/11/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với vợ chồng ông Hà Văn H và bà Thi Thị T có ký các Hợp đồng vay tín chấp theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay ngày 29/11/2017 không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử với số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất vay trong hạn là 37%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Quá trình sử dụng vốn vay ngày 29/11/2017, vợ chồng ông H đã trả 22.696.920 đồng tiền gốc và 45.586.054 đồng tiền lãi. Đến ngày 04/01/2020 thì Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn, do ông H và bà T vi phạm trả tiền gốc và lãi.

Tính đến ngày 01/03/2022 vợ chồng ông H, bà T còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trên là nợ gốc 47.303.080 đồng, nợ lãi 57.465.358 đồng. Tổng cộng là 104.768.438 đồng.

Ngày 06/12/2017, Ngân hàng tiếp tục ký kết với vợ chồng ông H, bà T theo Hợp đồng cho vay số LN1712040354745/DAK/HĐTD vay với số tiền là 535.000.000 đồng; thời hạn vay 83 tháng; mục đích sử dụng để mua xe ô tô bán tải, lãi suất tại thời điểm cho vay 10,9%/năm, lãi suất cố định 12 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn và vay trả góp tiền gốc và lãi hàng tháng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, vợ chồng ông H, bà T ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1712040354745/DAK/HĐTCSP ngày 06/12/2017 thế chấp tài sản là:

01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu NISSAN; loại xe: Tải pickup cabin kép; màu sơn: Trắng; tải trọng: 650 kg; số khung: 2D23Z0023474; số máy: YD25717507T; số loại: NAVARA; biển kiểm soát 47C-177.XX; theo Giấy chứng đăng ký xe ô tô số 032511 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp ngày 05/12/2017 mang tên Hà Văn H.

Về Hợp đồng cho vay số LN1712040354745/DAK/HĐTD ngày 06/12/2017, quá trình sử dụng vốn vay ngày 06/12/2017 vợ chồng ông H đã trả 154.704.000 đồng tiền gốc, 124.718.715 đồng tiền lãi. Đến ngày 04/01/2020 thì Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn, do vi phạm trả tiền gốc và lãi; tính đến ngày 01/3/2022, vợ chồng ông H, bà T còn nợ Ngân hàng là 563.416.447 đồng, (trong đó: nợ gốc là 380.296.000 đồng, nợ lãi là 183.120.447 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả tiền vay gốc và lãi còn nợ theo:

Hợp đồng tín chấp theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay ngày 29/11/2017 là 104.768.438 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/3/2022 cho đến khi trả xong nợ.

Hợp đồng cho vay số LN1712040354745/DAK/HĐTD ngày 06/12/2017 là 563.416.447 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/3/2022 cho đến khi trả xong nợ.

Tổng cộng buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả tiền vay gốc và lãi còn nợ là 668.184.885 đồng, (trong đó: nợ gốc là 427.599.080 đồng, nợ lãi là 240.585.805 đồng).

Trường hợp vợ chồng ông H, bà T không thanh toán được nợ cho Ngân hàng, đề nghị Toà án xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

** Đối với bị đơn vợ chồng ông Hà Văn H và bà Thi Thị T:* Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vợ chồng ông H, bà T không đến Tòa án làm việc và cố tình lẩn tránh không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể lấy lời khai của vợ chồng ông H, bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V là có căn cứ. Đề nghị HĐXX buộc bị đơn vợ chồng ông H, bà T phải trả cho Ngân hàng tổng tiền vay theo Hợp đồng tín chấp theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay ngày 29/11/2017 và Hợp đồng cho vay số LN1712040354745/DAK/HĐTD ngày 06/12/2017 là 668.184.885 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn vợ chồng ông Hà Văn H và bà Thi Thị T sau khi Tòa án ra Quyết định xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét Hợp đồng tín chấp theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng

cho vay ngày 29/11/2017 ký kết giữa Ngân hàng với ông Hà Văn H, thì Ngân hàng cho ông H vay là 70.000.000 đồng. Ông H đã trả được cho Ngân hàng 22.696.920 đồng tiền gốc, đến nay ông H còn nợ là 104.768.438 đồng (trong đó: nợ gốc là 47.303.080 đồng, nợ lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 57.465.358 đồng).

Về Hợp đồng cho vay số LN1712040354745/DAK/HĐTD ngày 06/12/2017 ký kết giữa Ngân hàng với vợ chồng ông H và bà T thì Ngân hàng cho vợ chồng ông H, bà T vay số tiền 535.000.000 đồng, đến nay vợ chồng ông H, bà T còn nợ Ngân hàng là 563.416.447 đồng (trong đó: nợ gốc là 380.296.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 183.120.447 đồng).

[3]. Xét thấy việc các bên ký kết các hợp đồng trên, là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ, bên vay là vợ chồng ông H và bà T đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín chấp, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ và cần chấp nhận, buộc vợ chồng ông H và bà T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền vay còn nợ và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN1712040354745/DAK/HĐTD ngày 06/12/2017 trên. Đối với Hợp đồng tín chấp theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay ngày 29/11/2017 là khoản tiền ông H vay riêng nên buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền vay còn nợ và tiền lãi phát sinh.

Kể từ ngày 02/3/2022, vợ chồng ông H và bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4]. Xét Hợp đồng thế chấp tài sản: Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, HĐXX xét thấy khi vay tiền, ông H và bà T thế chấp tài sản cho Ngân hàng tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1712040354745/DAK/HĐTCSP ngày 06/12/2017 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng, bên thế chấp là vợ chồng ông H và bà T, các bên đã cùng nhau thỏa thuận ký kết thế chấp tài sản sau:

01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu NISSAN; loại xe: Tải pickup cabin kép; màu sơn: Trắng; tải trọng: 650 kg; số khung: 2D23Z0023474; số máy: YD25717507T; số loại: NAVARA; biển kiểm soát 47C-177.XX; theo Giấy chứng đăng ký xe ô tô số 032511 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 05/12/2017 mang tên Hà Văn H.

Hợp đồng thế chấp được ký kết là hoàn toàn tự nguyện và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng. Trong trường hợp vợ chồng ông H và bà T không trả được nợ cho Ngân hàng, cần phải xử lý tài sản thế chấp trên để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp.

[5]. Sau khi vợ chồng ông H và bà T trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông H và bà T các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032511 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp ngày 05/12/2017 mang tên Hà Văn H.

[6]. Trong trường hợp vợ chồng ông H và bà T không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trong đó: vợ chồng ông H và bà T phải chịu 20.000.000 đồng + 4% x (563.416.447 đồng – 400.000.000 đồng) = 26.536.658 đồng, ông Hoàng phải chịu 104.768.438 đồng x 5% = 5.238.422 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp là 12.645.249 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 299, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 500 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 58, khoản 1 Điều 68 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án".*

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Hà Văn H và bà Thi Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiền vay còn nợ là 563.416.447 đồng *(Năm trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm mười sáu nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng),* trong đó: nợ gốc là 380.296.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 183.120.447 đồng.

2. Buộc ông Hà Văn H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiền vay còn nợ là 104.768.438 đồng *(Một trăm lẻ bốn triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng),* trong đó: nợ gốc là 47.303.080 đồng, nợ lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 57.465.358 đồng.

Kể từ ngày 02/3/2022, vợ chồng ông Hà Văn H và bà Thi Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Sau khi vợ chồng ông Hà Văn H và bà Thi Thị T trả xong nợ gốc và lãi

thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có nghĩa vụ trả lại cho ông H và bà T giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032511 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp ngày 05/12/2017 mang tên Hà Văn H.

4. Trong trường hợp ông H và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu NISSAN; loại xe: Tải pickup cabin kép; màu sơn: Trắng; tải trọng: 650 kg; số khung: 2D23Z0023474; số máy: YD25717507T; số loại: NAVARA; biển kiểm soát 47C-177.XX; theo Giấy chứng đăng ký xe ô tô số 032511 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp ngày 05/12/2017 mang tên Hà Văn H.

5. Về án phí: Vợ chồng ông Hà Văn H và bà Thi Thị T phải chịu: 26.536.658 đồng *(Hai mươi sáu triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông H phải chịu 5.238.422 đồng *(Năm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 12.645.249 đồng (*Mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số 60AA/2021/0001946 ngày 10/11/2021.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn